

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: **14/07/2023**

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	VPB	2,400	5.88%
2	FPT	600	5.59%
3	HPG	1,600	5.32%
4	ACB	1,600	4.33%
5	TCB	1,100	4.32%
6	VCB	300	3.87%
7	VIC	600	3.80%
8	VNM	400	3.59%
9	SSB	1,000	3.56%
10	VHM	500	3.46%
11	STB	900	3.32%
12	MBB	1,200	3.11%
13	MWG	500	3.03%
14	MSN	300	3.02%
15	HDB	900	2.06%
16	SHB	1,200	2.04%
17	SAB	100	1.89%
18	SSI	500	1.75%
19	EIB	700	1.74%
20	VRE	500	1.73%
21	TPB	700	1.57%

22	VIB	600	1.49%
23	CTG	400	1.47%
24	MSB	900	1.43%
25	LPB	700	1.38%
26	GAS	100	1.22%
27	VJC	100	1.17%
28	KBC	300	1.14%
29	VND	500	1.10%
30	VCI	200	1.03%
31	PNJ	100	0.96%
32	FRT	100	0.94%
33	NVL	500	0.92%
34	VHC	100	0.92%
35	OCB	400	0.91%
36	DGC	100	0.88%
37	REE	100	0.81%
38	KDH	200	0.78%
39	KDC	100	0.77%
40	GEX	300	0.74%
41	GMD	100	0.70%
42	VPI	100	0.65%
43	HSG	300	0.65%
44	DGW	100	0.62%
45	BVH	100	0.58%
46	BID	100	0.58%
47	DIG	200	0.54%
48	PLX	100	0.51%
49	POW	300	0.49%
50	DPM	100	0.46%
51	NLG	100	0.43%
52	HDG	100	0.39%
53	HCM	100	0.37%
54	NT2	100	0.37%
55	PC1	100	0.34%
56	DBC	100	0.32%
57	PVD	100	0.31%
58	PVT	100	0.29%
59	VCG	100	0.27%
60	GVR	100	0.27%
61	PAN	100	0.26%
62	PDR	100	0.24%
63	CII	100	0.23%
64	NKG	100	0.23%



65	SBT	100	0.21%
66	HHV	100	0.20%
67	DXG	100	0.19%
68	TCH	100	0.12%
69	SCR	100	0.10%
70	SAM	100	0.09%
II.	Tiền/Cash (VND)	4,183,161	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 813,686,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 817,869,161

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 4,183,161

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	22,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	46,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	75,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	57,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	21,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	49,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	78,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	31,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	17,950	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>



Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

